TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HS - ST
Ngày 10/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Nga**

Bà **Lý Thị Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Triệu Giang** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông **Ma Thế Thiện** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thái Nguyên, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2026/TLST-HS, ngày 30 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/HSST-QĐ ngày 12/3/2026 đối với bị cáo:

Phạm Thị H

Sinh ngày 28 tháng 02 năm 1976 tại tỉnh Bắc Kạn (Nay là tỉnh Thái Nguyên).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 4/12; Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Huy N, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Phạm Thị N1, sinh năm 1940 (đã chết; Chồng là Nguyễn Đình T, sinh năm 1976: Có 02 con. Con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/6/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Lê N2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Anh T1 - Phó Trưởng phòng kinh tế xã T. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2023, Phạm Thị H mua thửa đất rừng có tên địa danh Khuổi Lừa ở thôn P, xã T, tỉnh Thái Nguyên thuộc lô H, khoảnh 8, tiểu khu I với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N3 (Sinh năm 1972), ông Nông Văn C (Sinh năm 1967), trú tại thôn P, xã T, tỉnh Thái Nguyên với giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi mua bán không làm giấy tờ, gia đình bà N3 chưa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H và chưa làm thủ tục sang tên; thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Văn C, trú tại thôn P, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Đến tháng 12 năm 2024, Phạm Thị H có ý định trồng cây mỡ để phát triển kinh tế nên mang theo dao, cưa tay đến khu rừng Khu Ổ để phát phá, cắt hạ cây rừng tự nhiên, khi đang phát phá thì H thấy 04 người đi qua khu rừng, mang theo máy cưa xăng, H đã thỏa thuận và thuê 01 người đàn ông trong nhóm 04 người này cắt hạ các cây gỗ to với giá 350.000 đồng/ngày. Sau khi phát hiện vụ việc Phạm Thị H phát phá rừng trái phép, Hạt kiểm lâm đã lập hồ sơ, thụ lý nguồn tin để giải quyết theo quy định.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định được tổng diện tích rừng bị chặt phá là 10.937,5m^2 thuộc lô 83, khoảnh 8, tiểu khu I; lâm sản bị thiệt hại còn tại hiện trường là 6,895 m^3 gỗ thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII và 22.692 cây vầu; theo bản đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất theo Quyết định số 895 ngày 24/8/2024 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 khu rừng thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, hỗn giao tre – nứa. Diện tích rừng bị hủy hoại thuộc thửa đất số 1129, tờ bản đồ số 1, tên chủ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận là ông Nông Văn C, trú tại thôn P, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Khu rừng trên thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã T.

Tại kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 28/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn kết luận: 6,895m^3 gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII có giá trị 4.546.300 đồng (Bốn triệu, năm trăm bốn sáu nghìn, ba trăm đồng); 22.692 cây vầu có giá trị 158.844.000 đồng (Một trăm năm tám triệu, tám trăm bốn bốn nghìn).

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Phạm Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân về việc vào tháng 12/2024, bị cáo đã tự ý phát phá và thuê người cắt hạ các cây gỗ to tại khu rừng Khu Ổ thuộc thôn P, xã T, tỉnh Thái Nguyên, việc phát phá rừng được thực hiện trong thời gian khoảng 15 ngày, bị cáo không xin

phép và không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã trồng cây mỡ trên diện tích đất rừng mà bị can phát phá.

- Về vật chứng và tài sản trong vụ án:

+ 6,895m^3 gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII và 22.692 cây vầu, Cơ quan Cảnh sát điều tra giao cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy định.

+ 01 cưa tay dài 50cm, rộng 05cm có cán tay cầm bằng nhựa.

+ 01 dao bằng sắt dài 40, rộng 05cm.

- Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên đại diện theo pháp luật là ông Phạm Lê N2 – Chủ tịch. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là bà Đặng Thị Anh T1 – Phó Trưởng Phòng Kinh tế xã T đã có đơn yêu cầu bị cáo Phạm Thị H phải trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích đất đã phát phá. Bị cáo đã tự nguyện trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích đất rừng mà bị cáo đã phát phá. Ngoài ra nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSKV9 ngày 28/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên để xét xử Phạm Thị H về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS 2015; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Thị H 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo Phạm Thị H phải trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích đất đã phát phá. Bị cáo đã tự nguyện trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích đất rừng mà bị cáo đã phát phá. Ngoài ra nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì thêm. Do vậy không đề nghị xem xét

Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 6,895m^3 gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII và 22.692 cây vầu.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cưa tay dài 50cm, rộng 05cm có cán tay cầm bằng nhựa.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 dao bằng sắt dài 40, rộng 05cm.

Về biện pháp tư pháp. Tạm giữ số tiền 200.000đ bị cáo đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Bị cáo nhất trí với bản luận tội, bị cáo đã nhận ra sai phạm, bị cáo đã tự nguyện trồng lại rừng để khắc phục hậu quả, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự và người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, không có đề nghị gì thêm về phần trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của bị cáo, nguyên đơn dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, nguyên đơn dân sự, không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Tháng 12 năm 2024 bị cáo Phạm Thị H đã có hành vi phát phá trái phép khu rừng Khuổi Lừa thuộc thôn P, xã T, tỉnh Thái Nguyên tại lô H, khoảnh 8, tiểu khu I. Diện tích rừng bị hủy hoại là 10.937,5m^2 trong khi chưa được cơ quan chức năng cho phép; lâm sản bị thiệt hại là 6,895 m^3 gỗ thuộc gỗ thông thường từ

nhóm V đến nhóm VIII, giá trị theo kết luận định giá tài sản là 4.546.300 đồng (Bốn triệu, năm trăm bốn sáu nghìn, ba trăm đồng) và 22.692 cây vầu giá trị theo kết luận định giá tài sản là 158.844.000 đồng (Một trăm năm tám triệu, tám trăm bốn bốn nghìn); loại rừng phát phá thuộc khu vực rừng sản xuất là rừng tự nhiên, hỗn giao tre – nứa.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" với tình tiết định khung là hủy hoại rừng sản xuất có diện tích từ 10.000m^2 đến dưới 50.000m^2 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

……

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m^2) đến dưới 50.000 mét vuông (m^2;

……

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[3].Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo thành khẩn khai báo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo được nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo

tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính giáo dục cải tạo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hiện nay bị cáo bị tai nạn phải phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn nên hạn chế khả năng lao động. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

+ 6,895m^3 gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII và 22.692 cây vầu là vật chứng của vụ án, do vậy cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 cưa tay dài 50cm, rộng 05cm có cán tay cầm bằng nhựa, cưa cũ đã qua sử dụng. Đây là chiếc cưa mà bị cáo dùng vào việc cưa hạ cây, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 dao bằng sắt dài 40, rộng 05cm (dạng dao dài), dao cũ đã qua sử dụng. Đây là con dao mà bị cáo dùng vào việc chặt hạ cây, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thái Nguyên tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[7] Xem xét, đánh giá hành vi liên quan.

Đối với người đàn ông mà bị cáo Phạm Thị H thuê cắt hạ những cây gỗ to nhưng bị cáo không quen biết và không biết thông tin địa chỉ của người này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Hủy hoại rừng"

[2]. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

[4]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 6,895m^3 gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII và 22.692 cây vầu. Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/5/2025 giữa Cơ quan điều tra và Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên).

- Tịch thu tiêu hủy 01 cưa tay dài 50cm, rộng 05cm có cán tay cầm bằng nhựa, cưa cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 dao bằng sắt dài 40, rộng 05cm (dạng dao dài), dao cũ đã qua sử dụng

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thái Nguyên).

[5]. Về biện pháp tư pháp: Tạm giữ số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) của Phạm Thị H nộp tại biên lai thu số 0000133 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7]. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:
- TAND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên.(01b)
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Thái Nguyên.(03b)
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- UBND xã Phủ Thông, tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- Công an xã Thượng Minh. (01b)
- Bị cáo. (01b)
- Nguyên đơn dân sự. (01b)
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự. (01b)
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hà Thanh Tuấn